

Số: 158/2022/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 625/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Hồ Sỹ L**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: tổ 26, khu K, thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Nguyễn Thị Lan P**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: tổ 26, khu K, thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Sỹ L và chị Nguyễn Thị Lan P thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 02 cháu.

Hồ Nguyễn Thiên P, sinh ngày 13/6/2012.

Hồ Nguyễn An K, sinh ngày 11/9/2017.

Anh L và chị P tự thỏa thuận, anh L nuôi dưỡng cháu P, chị P nuôi dưỡng cháu K, anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị P mỗi tháng 10.000.000đồng (mười triệu đồng), chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

Anh L và chị P đều được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Hồ Sỹ L và chị Nguyễn Thị Lan P mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Sỹ L và chị Nguyễn Thị Lan P.

- Về con chung:

Hồ Nguyễn Thiên P, sinh ngày 13/6/2012.

Hồ Nguyễn An K, sinh ngày 11/9/2017.

Anh L được quyền nuôi dưỡng cháu P, chị P được quyền nuôi dưỡng cháu K. Anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị P mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng anh L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh L, chị P đều được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hồ Sỹ L và chị Nguyễn Thị Lan P mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh L, chị P đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006071 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh L, chị P đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- UBND TT Long Thành, huyện Long Thành.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hùng Minh Sang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].